

Mẫu số III.03

(Ban hành kèm theo Phụ lục III của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....



**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Tên phương tiện:.....Số ĐKHC: .....

Công dụng: .....Số Đăng kiểm:.....

Chủ phương tiện: .....

Địa chỉ: .....

Năm và nơi đóng:.....

Kích thước cơ bản: L x B x D x d ..... m;

$L_{max}$  x  $B_{max}$ : .....m; Mạn khô F:.....mm;

Vật liệu:.....; Tổng dung tích (GT): .....

Số lượng máy chính/phụ:.....; Tổng công suất: ...../..... sức ngựa;

*Căn cứ báo cáo kiểm tra kỹ thuật số .... ngày .. tháng .. năm ....*

.....  
chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và trang bị ngăn ngừa ô nhiễm  
ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các yêu cầu  
của quy chuẩn, quy định hiện hành và được trao cấp:

Vùng hoạt động: .....

Khả năng khai thác: .....

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày.....tháng.....năm.....

Cấp tại ....., ngày ... tháng ... năm .....

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM  
( Ký tên đóng dấu)

Số KS .....

Thiết kế phương tiện				
Ký hiệu thiết kế:		Năm thiết kế:		
Số GCN:		Số thẩm định:		
Năm và nơi hoàn cải:				
<b>Thiết bị neo</b>				
Neo mũi, kiểu.....; SL(chiếc):..... ; Tổng khối lượng neo.....kg				
Chiều dài x đường kính xích, cáp: .....				
<b>Thiết bị lái</b>				
Bánh lái: Kiểu.....; Số lượng (chiếc): .....; Tổng diện tích (m <sup>2</sup> ) ...				
Máy lái chính: Kiểu .....; Mô men lái (tm):.....				
<b>Thiết bị chằng buộc</b>				
Dây buộc: số lượng ( chiếc): .....; Chiều dài (m):.....				
<b>Thiết bị kéo</b>				
Cột kéo: Kiểu..... ; Đường kính (mm): .....				
Móc kéo: Kiểu.....				
<b>Máy chính</b>				
Máy chính số	Mác	Năm chế tạo	Số chế tạo	Công suất (sức ngựa/kW)
<b>Máy phụ</b>				
Số lượng, mác, công suất (sức ngựa):.....				
<b>Thiết bị điện</b>				
Số lượng máy phát (chiếc): .....				
Công suất (kVA/kW): .....; Điện áp (V):.....				
Số bình ắc quy: .....; Điện áp (V).....; Dung lượng (Ah):.....				
<b>Trang bị cứu sinh</b>				
Số lượng phao tròn (chiếc):.....; Số lượng phao áo (chiếc):.....				
Số lượng dụng cụ nổi (chiếc): .....; Tổng sức chở (người):.....				
<b>Trang bị cứu đắm</b>				
Số lượng bơm hút khô (chiếc):.....; Tổng lưu lượng (m <sup>3</sup> ):.....				
Bộ dụng cụ cứu đắm:.....				
Thiết bị tự động báo mức nước đáy khoang: <input type="checkbox"/>				
<b>Trang bị chạy tàu</b>				
Ống nhôm <input type="checkbox"/>	Đồng hồ <input type="checkbox"/>	Chuông lệnh <input type="checkbox"/>		
Thiết bị đo sâu đơn giản <input type="checkbox"/>		Thước đo mức nước <input type="checkbox"/>		
Thiết bị đo nghiêng <input type="checkbox"/>		AIS <input type="checkbox"/>		
VHF (chiếc):.....				

Trang bị chữa cháy	
Số lượng bơm chữa cháy (chiếc):.....; Tổng lưu lượng (m <sup>3</sup> ):.....	
Loại khí:.....; Tổng khối lượng (kg).....	
Bình bọt đẩy: Số lượng x dung tích:.....	
Bình CO <sub>2</sub> : Số bình x khối lượng (kg): .....	
Bình bột: Số bình x khối lượng (kg): .....	
Bình bọt: Số bình x dung tích (lít): .....	
Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công: <input type="checkbox"/> ; Sơ đồ bố trí thiết bị chữa cháy: <input type="checkbox"/>	
<b>Trang bị tín hiệu</b>	
Đèn hiệu:	
Đèn mạn đỏ: <input type="checkbox"/> ; Đèn mạn xanh <input type="checkbox"/> ; Đèn trắng lái <input type="checkbox"/> ;	
Đèn cột trắng: <input type="checkbox"/> ; Đèn cột xanh: <input type="checkbox"/> ; Đèn cột đỏ: <input type="checkbox"/> ; Đèn neo: <input type="checkbox"/>	
Đèn lai trắng: <input type="checkbox"/> ; Đèn lai xanh: <input type="checkbox"/> ; Đèn lai đỏ: <input type="checkbox"/> ; Đèn vàng: <input type="checkbox"/>	
Đèn trắng nháy <input type="checkbox"/> ; Đèn vàng nháy <input type="checkbox"/> ; Đèn đỏ nháy <input type="checkbox"/> ;	
Đèn cho các tình huống khác <input type="checkbox"/> ; Đèn nửa xanh nửa đỏ <input type="checkbox"/> ; Đèn dự trữ <input type="checkbox"/> ;	
Âm hiệu:.....	
Vật hiệu: Tam giác đen <input type="checkbox"/> ; Tam giác trắng <input type="checkbox"/> ; Vuông đen <input type="checkbox"/> ;	
Hình chữ nhật đen <input type="checkbox"/> ; Hình tròn đen <input type="checkbox"/> ; Hình tròn trắng <input type="checkbox"/> ;	
Hình thoi góc vuông đen <input type="checkbox"/> ; Bộ cờ hiệu <input type="checkbox"/>	
<b>Trang bị ngăn ngừa ô nhiễm (do rác, dầu, nước thải sinh hoạt của tàu)</b>	
Thiết bị phân ly dầu nước: Số lượng (chiếc):.....; Tổng sản lượng (m <sup>3</sup> ):.....	
Két thu hồi hỗn hợp dầu nước: Số lượng(chiếc):.....; Tổng thể tích (m <sup>3</sup> ):.....	
Két nước thải: Số lượng(chiếc):.....; Tổng thể tích (m <sup>3</sup> ):.....	
Bích nổi tiêu chuẩn: Số lượng (chiếc): .....; Vị trí: .....	
Thiết bị chứa rác: Số lượng (chiếc): .....	
Thiết bị xử lý nước thải: Số lượng:.....; Sản lượng (m <sup>3</sup> ):.....	
<b>Thời hạn kiểm tra</b>	
Định kỳ:.....; Trên đà:.....	
Hàng năm:.....; Trung gian:.....	
<b>Áp dụng đối với:</b>	
Các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm và vịnh:	
- Các phương tiện có sức chở dưới 50 người;	
- Các phương tiện có trọng tải toàn phần dưới 200 tấn;	
- Các phương tiện có động cơ có tổng công suất dưới 135 sức ngựa;	
- Các phương tiện chuyên dùng như: ụ nổi, bến nổi, thiết bị thi công nổi, nhà nổi, tàu cuốc, tàu hút ... có chiều dài thiết kế nhỏ hơn 10 m.	
<b>Trách nhiệm của chủ phương tiện:</b>	
Chịu trách nhiệm bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện theo các tiêu chuẩn quy định giữa hai kỳ kiểm tra.	